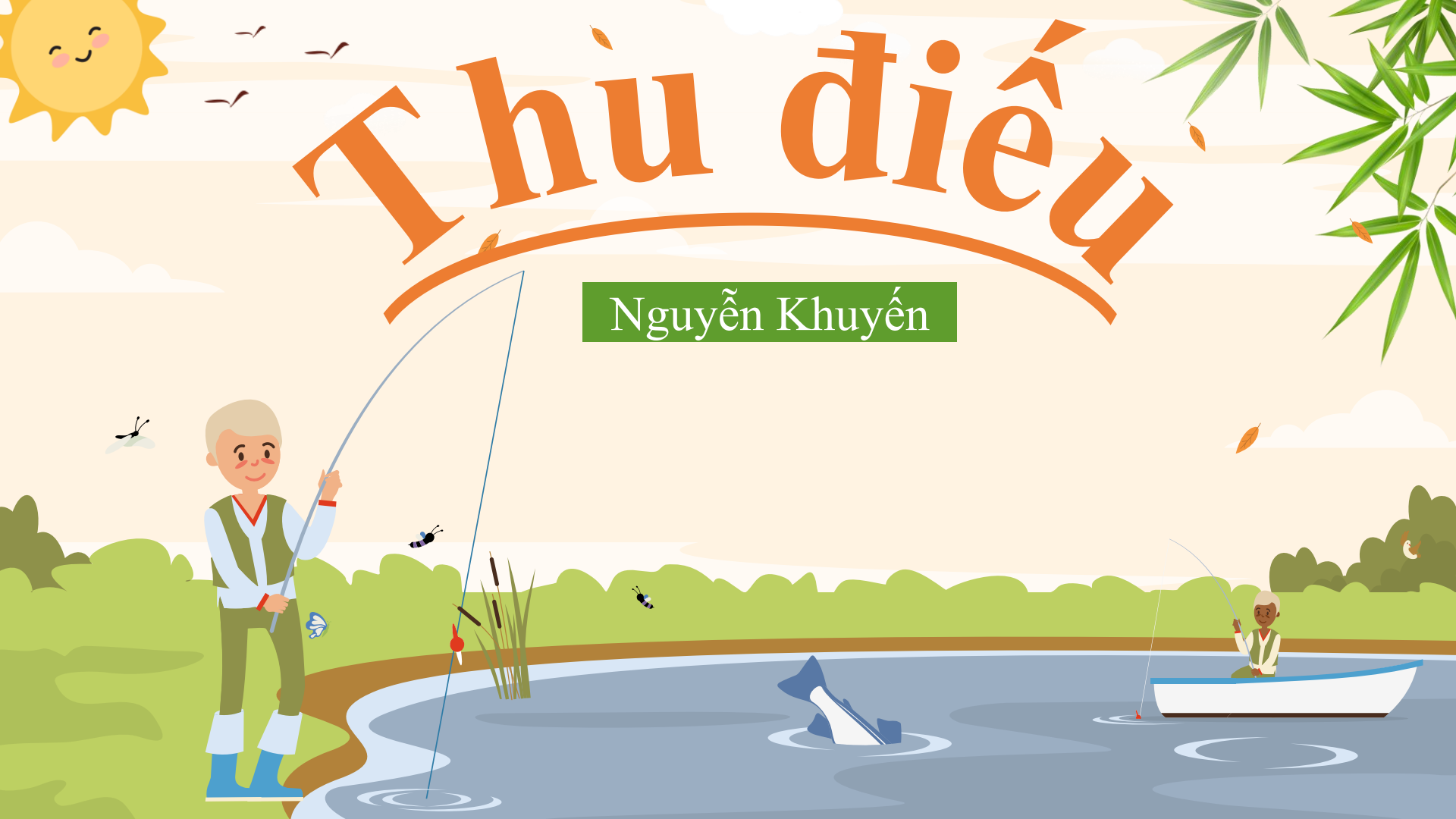


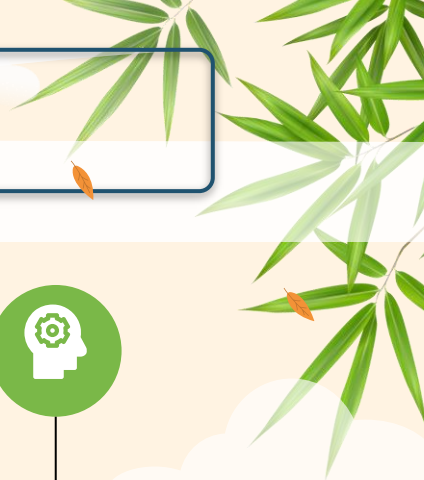
Thù điều

Nguyễn Khuyển





Yêu cầu cần đạt



Mục tiêu



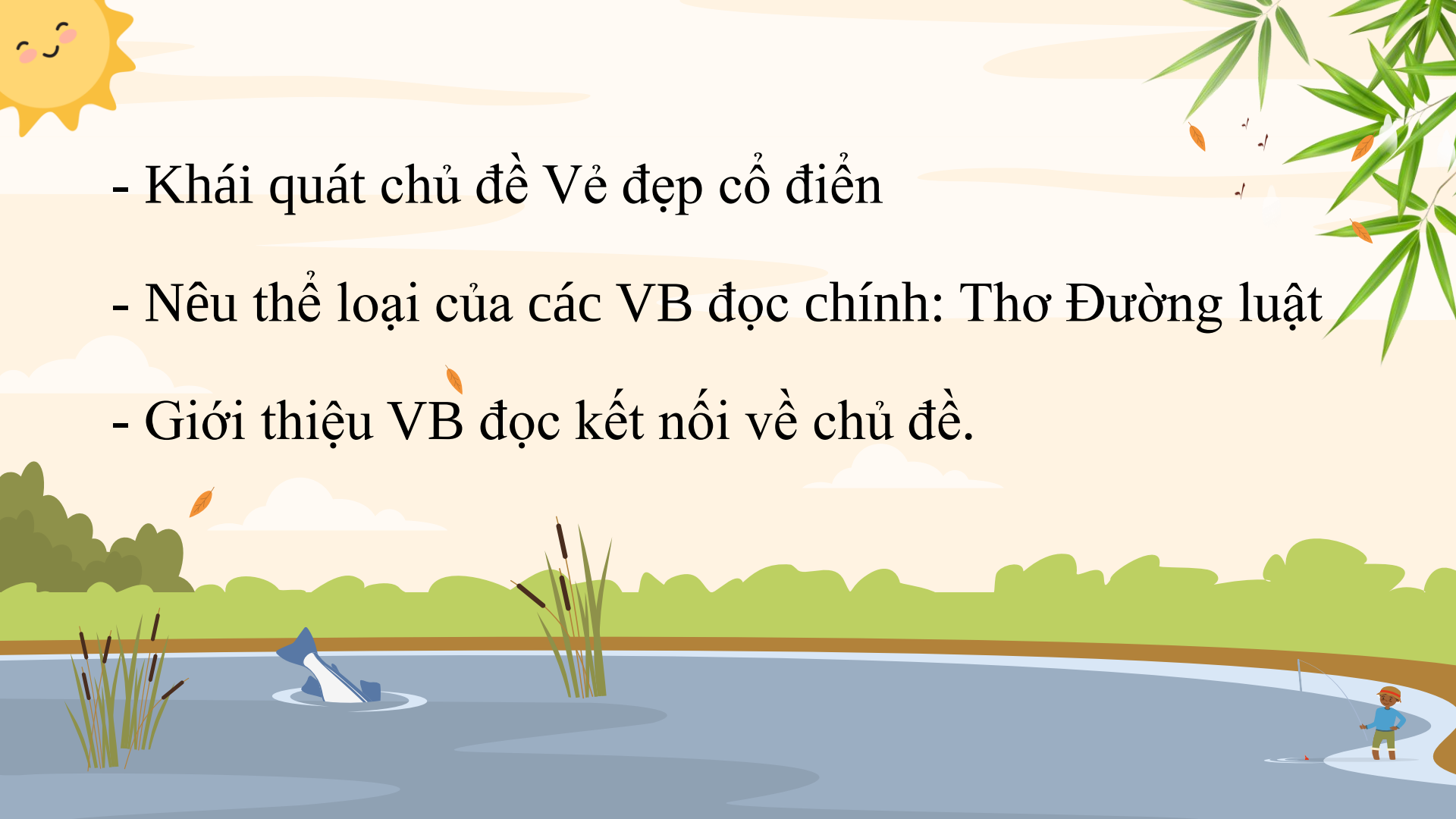
Nhận biết được đặc điểm về niêm, luật; xác định bố cục; phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, nỗi niềm thời thế của tác giả.



I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC





- Khái quát chủ đề Vẻ đẹp cổ điển
- Nêu thể loại của các VB đọc chính: Thơ Đường luật
- Giới thiệu VB đọc kết nối về chủ đề.

II. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGŨ VĂN

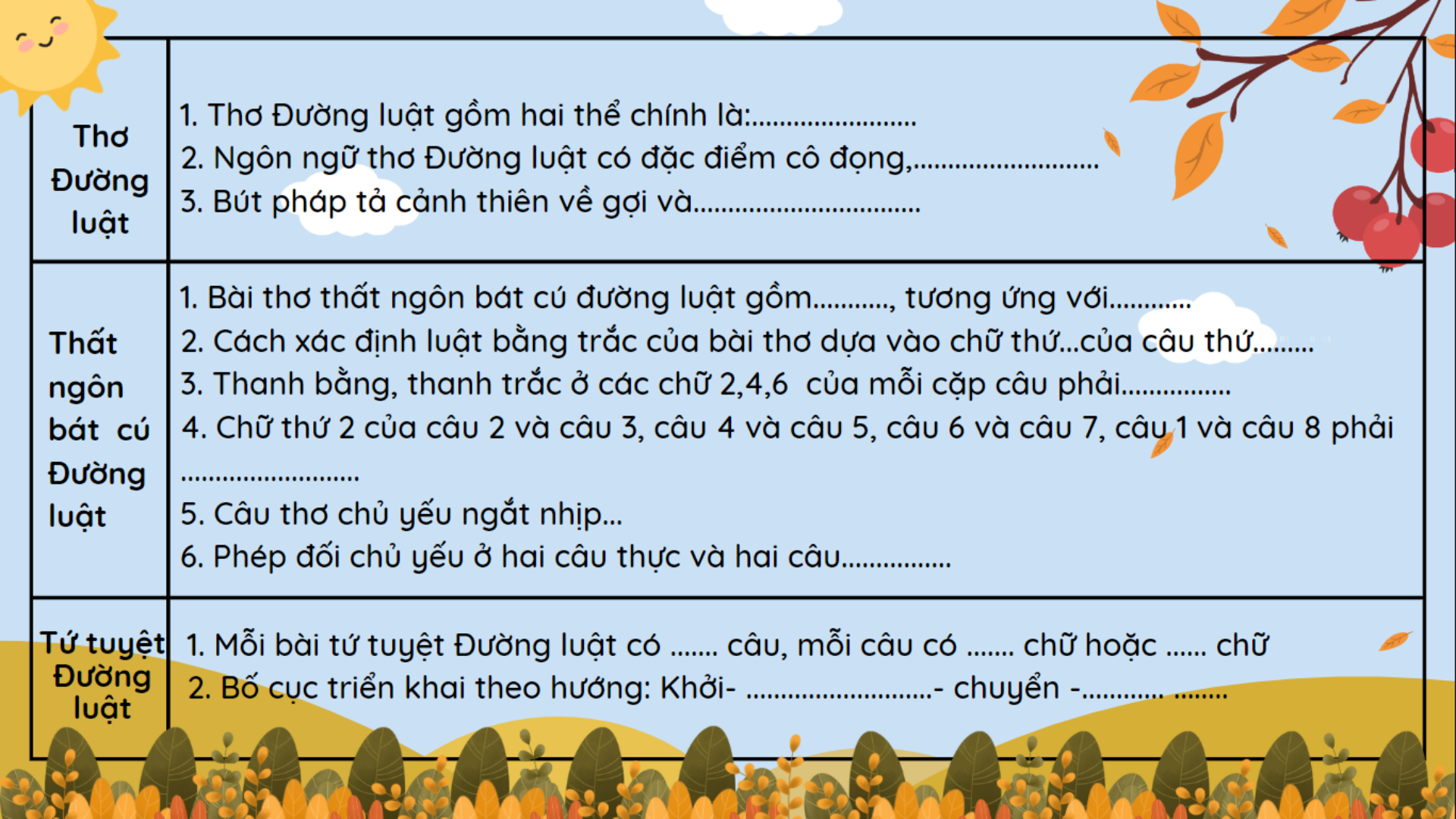




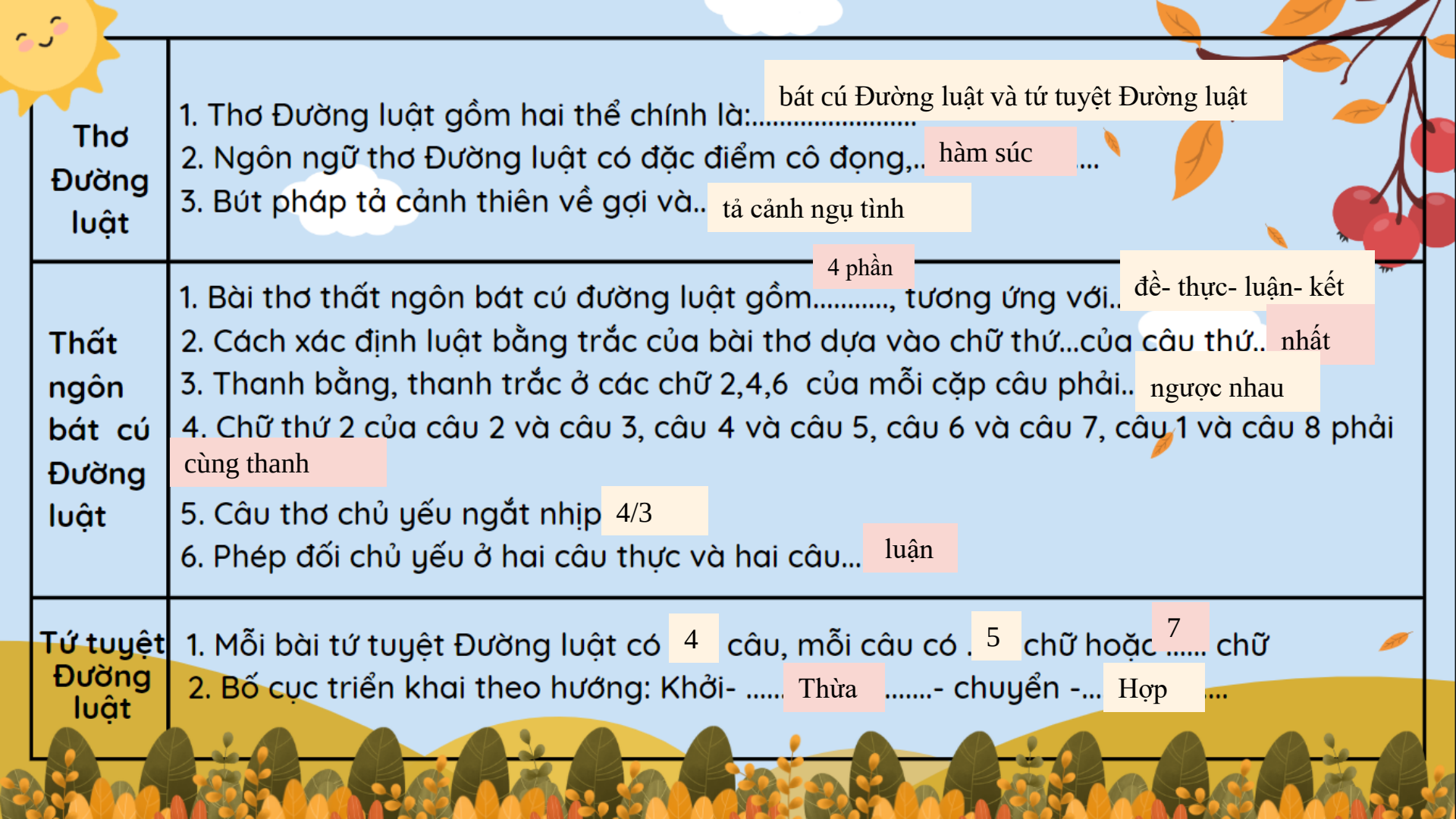
Tri thức Ngữ văn

ĐỌC PHẦN TRI THỨC NGỮ
VĂN VÀ THỰC HIỆN PHT





Thơ Đường luật	1. Thơ Đường luật gồm hai thể chính là:..... 2. Ngôn ngữ thơ Đường luật có đặc điểm cô đọng,..... 3. Bút pháp tả cảnh thiên về gợi và.....
Thất ngôn bát cú Đường luật	1. Bài thơ thất ngôn bát cú đường luật gồm....., tương ứng với..... 2. Cách xác định luật bằng trắc của bài thơ dựa vào chữ thứ...của câu thứ..... 3. Thanh bằng, thanh trắc ở các chữ 2,4,6 của mỗi cặp câu phải..... 4. Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải 5. Câu thơ chủ yếu ngắt nhịp... 6. Phép đối chủ yếu ở hai câu thực và hai câu.....
Tứ tuyệt Đường luật	1. Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có câu, mỗi câu có chữ hoặc chữ 2. Bố cục triển khai theo hướng: Khởi-- chuyển -.....



Thơ Đường luật	bất cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật 1. Thơ Đường luật gồm hai thể chính là:..... 2. Ngôn ngữ thơ Đường luật có đặc điểm cô đọng,.. hàm súc 3. Bút pháp tả cảnh thiên về gợi và.. tả cảnh ngụ tình
Thất ngôn bát cú Đường luật	4 phần 1. Bài thơ thất ngôn bát cú đường luật gồm....., tương ứng với.. đề- thực- luận- kết 2. Cách xác định luật bằng trắc của bài thơ dựa vào chữ thứ...của câu thứ.. nhất 3. Thanh bằng, thanh trắc ở các chữ 2,4,6 của mỗi cặp câu phải.. ngược nhau 4. Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh 5. Câu thơ chủ yếu ngắt nhịp 4/3 6. Phép đối chủ yếu ở hai câu thực và hai câu... luận
Tứ tuyệt Đường luật	1. Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có 4 câu, mỗi câu có . 5 chữ hoặc 7 chữ 2. Bố cục triển khai theo hướng: Khởi- Thừa- chuyển -... Hợp



1. Thơ Đường luật

Thơ Đường luật

là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc),

gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất.

Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hòa thanh (phối hợp, điều hòa thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp

Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,...



Thất ngôn bát cú Đường luật

Về bố cục

Gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề (triển khai ẩn ý chứa trong nhan đề), thực (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), luận (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), kết (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới).

Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.

Về niêm và luật bằng trắc

Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ.

Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc

Trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6; trong mỗi cặp câu (liên), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau.

Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.

Về vần và nhịp

Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt.

Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.

Về đối

chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.



3. Tứ tuyệt Đường luật

Tứ tuyệt Đường luật

Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ

Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài).

Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.





Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật (theo luật bằng)

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đối
1	BBTTTBB		B	
2	TTBBTTB	Câu 2 và 3	B	
3	TTBBBTT			Đối
4	BBTTTBB	Câu 4 và 5	B	
5	BBTTBBT			Đối
6	TTBBTTB	Câu 6 và 7	B	
7	TTBBBTT			
8	BBTTTBB		B	





Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật (theo luật trắc)

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đôi
1	TTBBTTB		B	
2	BBTTTBB	Câu 2 và 3	B	
3	BBTTBBT			Đôi
4	TTBBTTB	Câu 4 và 5	B	
5	TTBBBTT			Đôi
6	BBTTTBB	Câu 6 và 7	B	
7	BBTTBBT			
8	TTBBTTB		B	



Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
 Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
 Lom khom dưới núi tiều vài chú,
 Lác đác bên sông rợ mấy nhà.
 Nhớ nước, đau lòng con cuộc cuộc,
 Thương nhà, mỗi miệng cái da da.
 Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
 Một mảnh tình riêng, ta với ta.
 (Qua đèo ngang- Bà Huyện Thanh Quan)



Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đổi
1	TTBBTTB		B	
2	BBTTTBB	Câu 2 và 3	B	
3	BBTTBBT			Đổi
4	TTBBTTB	Câu 4 và 5	B	
5	TTBBBTT			Đổi
6	BBTTTBB	Câu 6 và 7	B	
7	BBTTBBT			
8	TTBBTTB		B	



Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.



Sơ đồ bài thơ tứ tuyệt Đường luật

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đối (không bắt buộc)
1	BBBTTBB	Câu 2 – 3	B	
2	TTBBTTB		B	
3	TTTBBTT			
4	BBTTTBB		B	



Hình thành kiến thức



Hình ảnh sau gợi đến mùa nào? Theo em mùa thu thường mang lại cho ta cảm xúc gì? Em yêu thích điều gì ở mùa thu?





I KHÁM PHÁ CHUNG





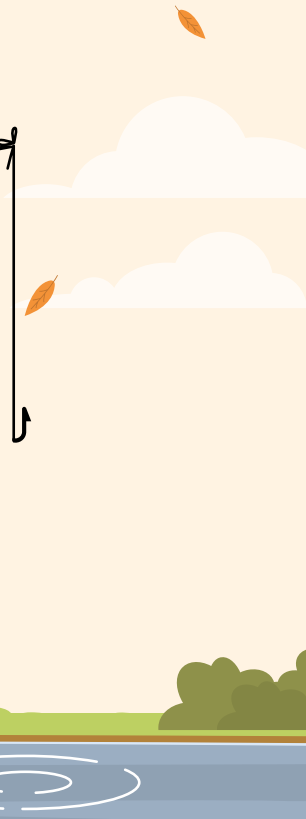
1. Đọc – chú thích



A
01
Hs đọc
diễn cảm

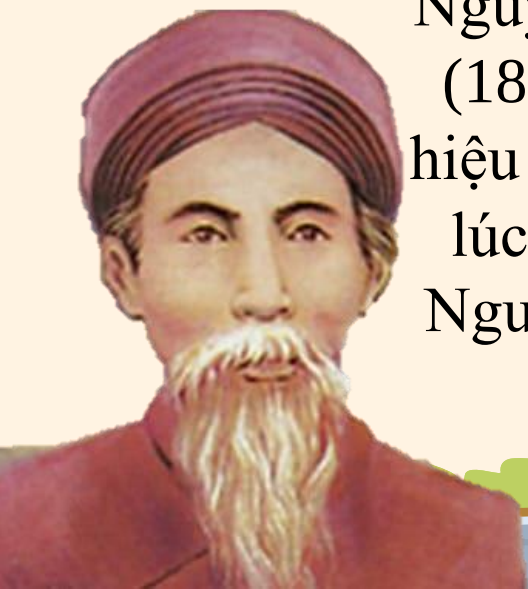
B
02
Chú ý các chiến
lược đọc ở các
thẻ bên phải

C
03
Giải thích
từ khó





2. Tác giả



Nguyễn Khuyến
(1835 – 1909)
hiệu là Quế Sơn,
lúc nhỏ tên là
Nguyễn Thắng.

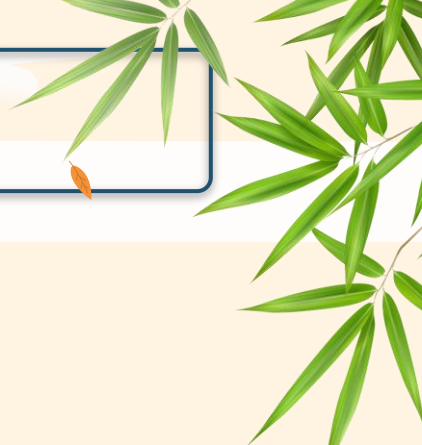
Quê ở Yên
Đỗ, huyện
Bình Lục,
tỉnh Hà
Nam.

Xuất thân
trong một
gia đình
nhà nho
nghèo.

Đỗ đầu cả
ba kì thi
nên được
gọi là Tam
Nguyên
Yên Đỗ.



2. Tác giả



Thơ Nguyễn Khuyến

Thể hiện tình cảm tha thiết gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế

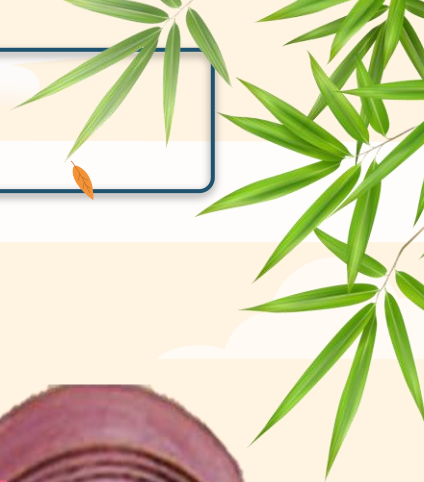
Đặc biệt, Nguyễn Khuyến đã đưa cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê vào trong thơ một cách tự nhiên, tinh tế

Ngòi bút tả cảnh của ông vừa chân thực tài hoa; ngôn ngữ thơ giản dị mà điêu luyện.





2. Tác giả



Nguyễn Khuyến sáng tác cả bằng chữ Hán và chữ Nôm nhưng đóng góp lớn nhất của ông là ở thơ Nôm

01



Nổi tiếng nhất là chùm ba bài thơ mùa thu: *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm*.

02



Thông tin

Đúng Sai

(1) Bài thơ nằm trong chùm ba bài thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến, được sáng tác khi ông từ quan về quê ở ẩn.

(2) Bài thơ được viết bằng chữ Nôm.

(3) Bài thơ có sự kết hợp giữa các phương thức biểu cảm với tự sự.

(4) Bài thơ sử dụng một số từ láy tượng thanh.

(5) Bài thơ sử dụng bút pháp lấy động tả tĩnh.

(6) Bài thơ vừa tái hiện bức tranh thiên nhiên, vừa thể hiện tâm trạng của nhà thơ.

(7) Cảnh thu trong bài có nhiều chi tiết điển hình cho mùa thu nơi làng quê Việt Nam.



Thông tin

Đúng

Sai

(1) Bài thơ nằm trong chùm ba bài thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến, được sáng tác khi ông từ quan về quê ở ẩn.

(2) Bài thơ được viết bằng chữ Nôm.

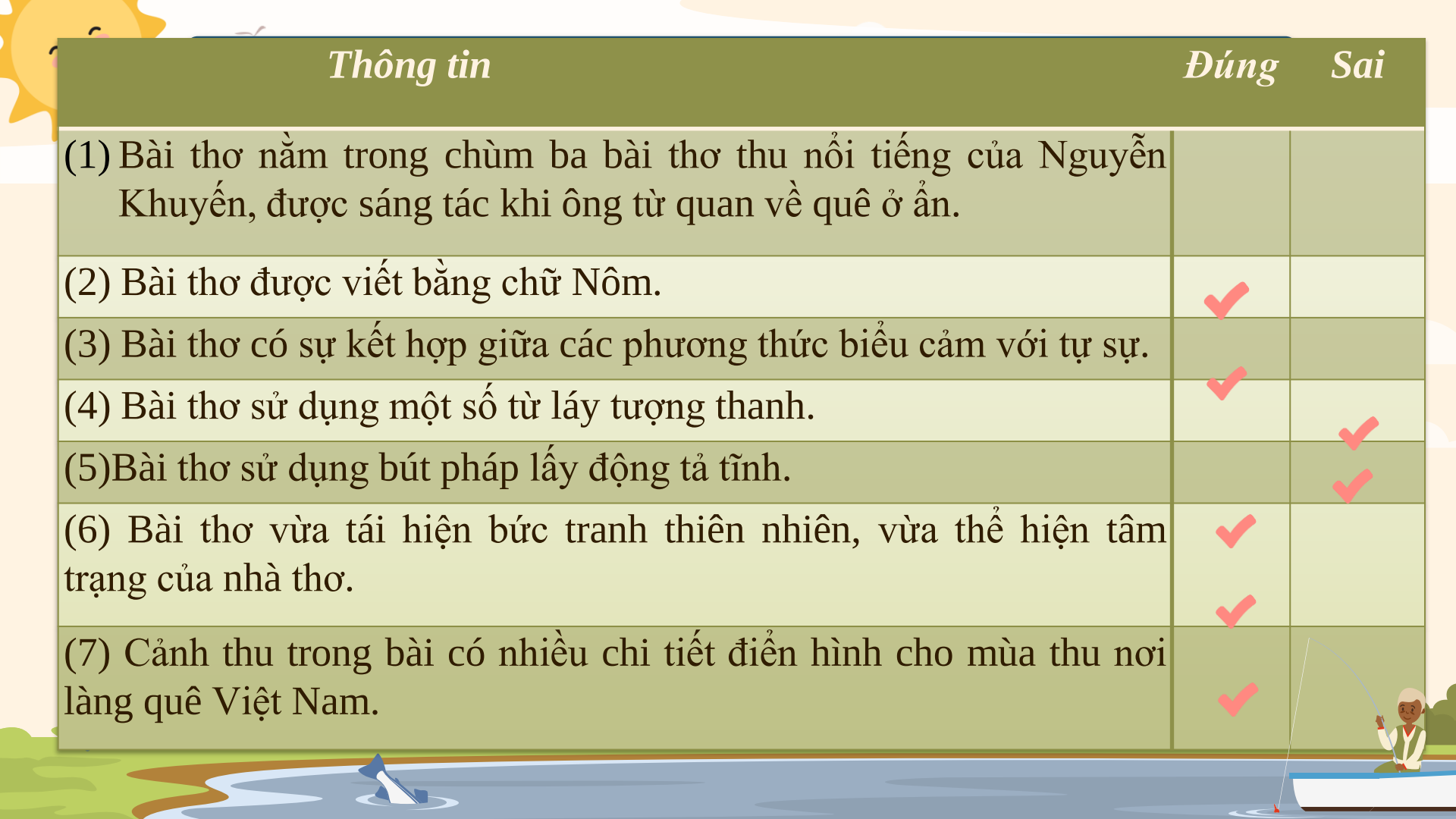
(3) Bài thơ có sự kết hợp giữa các phương thức biểu cảm với tự sự.

(4) Bài thơ sử dụng một số từ láy tượng thanh.

(5) Bài thơ sử dụng bút pháp lấy động tả tĩnh.

(6) Bài thơ vừa tái hiện bức tranh thiên nhiên, vừa thể hiện tâm trạng của nhà thơ.

(7) Cảnh thu trong bài có nhiều chi tiết điển hình cho mùa thu nơi làng quê Việt Nam.





3. Tác phẩm

Hoàn cảnh sáng tác



Được viết trong thời gian
• khi Nguyễn Khuyến về ở
 ẩn tại quê nhà.

Thu điếu



PTBĐ

• Biểu cảm, miêu tả





II

KHÁM PHÁ VĂN BẢN





1

**Tìm hiểu bố cục, niêm,
luật bằng trắc, vần,
nhịp, đối và nhan đề**



1. Tìm hiểu bố cục, niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối và nhan đề



*Lập sơ đồ niêm,
luật bằng trắc, vần,
nhịp, đối của bài thơ*



*Xác định bố
cục bài thơ*

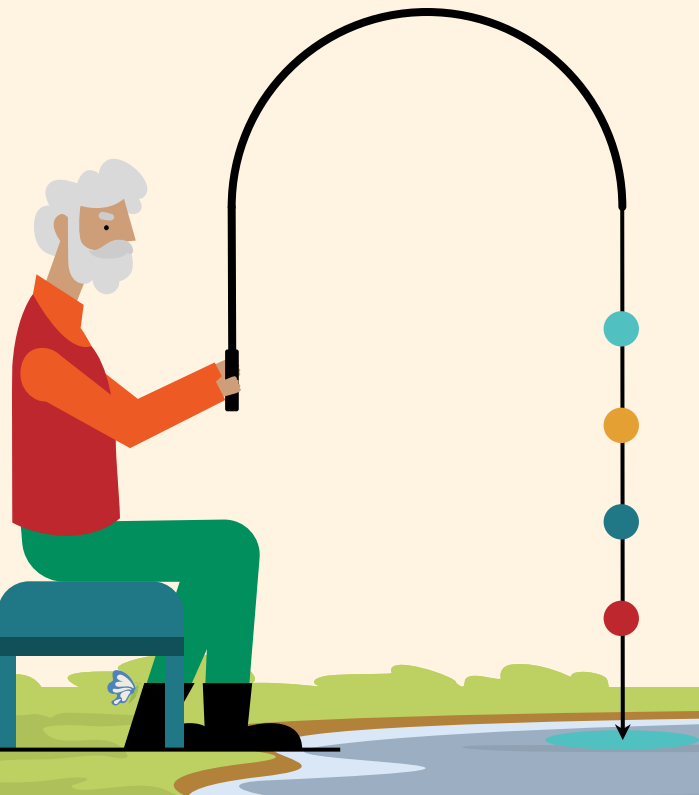


*Giải thích ý nghĩa của
nhan đề bài thơ. Chỉ ra
mối liên hệ giữa nhan
đề và hai câu đề.*





Bố cục: theo mô hình *đề/ thực/ luận/ kết*



01

Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu.

02

Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu.

03

Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê..

04

Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ.





6 câu đầu

Bức tranh thiên nhiên
mùa thu

Bố cục: theo mô hình 6/2

2 câu cuối

Hình ảnh con người.





Niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đối
1	BBTTTBB		B	
2	TTBBTTB	Câu 2 và 3	B	
3	TTBBBTT			Đối
4	BBTTTBB	Câu 4 và 5	B	
5	BBTTBBT			Đối
6	TTBBTTB	Câu 6 và 7	B	
7	TTBBBTT			
8	BBTTTBB		B	





Nhan đề

Việc câu cá chẳng qua là cái
cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để
nói về mùa thu, để thưởng
thức mùa thu mà thôi.

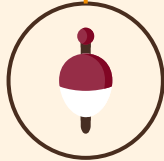
Nhan đề Mùa thu câu cá có mối
liên hệ trực tiếp với nội dung
của hai câu đầu: không gian ao
thu với mặt nước êm đềm và
chiếc thuyền câu bé nhỏ



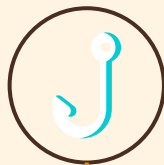
1

Nhan đề “Thu điều”:
Thu điều có nghĩa là
“Câu cá mùa thu”.

2



Mùa thu, nhất là mùa thu ở làng quê,
vốn đẹp, nhưng mùa thu, cảnh thu
ngắm từ vị trí người câu cá, thường
thức từ tâm trạng người ngồi câu cá, lại
có cái đẹp, cái thú riêng.



3



4



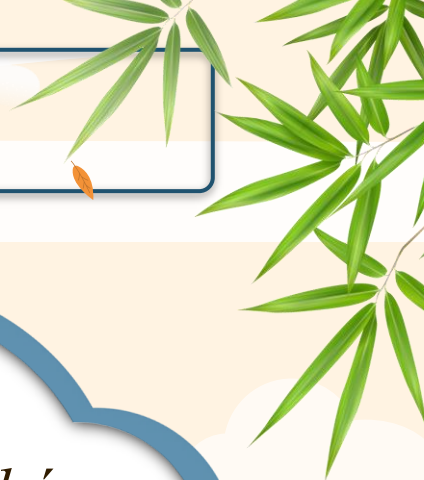


2

Bức tranh thiên nhiên mùa thu



a. Điểm nhìn

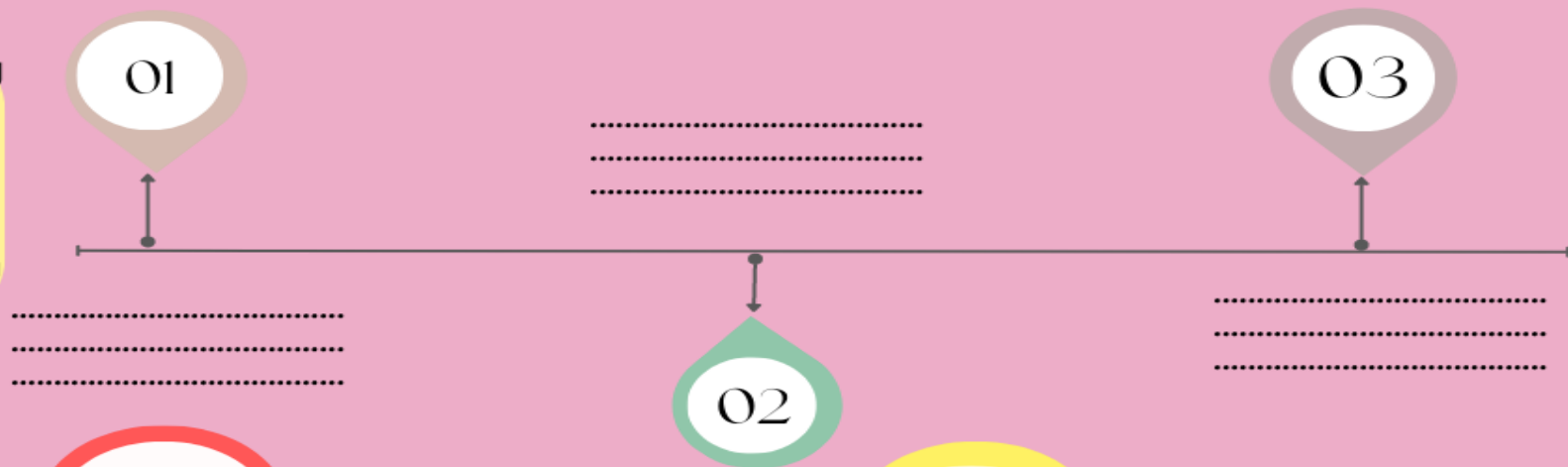


*Hs thảo luận nhóm
4-6 PHT số 2 để tìm
hiểu về Điểm nhìn*



PHT số... Tìm hiểu về điểm nhìn

1. Khoảng
không
gian
được
miêu tả



2. Trình
tự
miêu
tả



3. Vai trò của việc thay đổi điểm nhìn



a. Điểm nhìn

Không gian

mặt ao (nước,
thuyền câu, sóng),

bầu trời (tầng mây,
trời),

A

B

C

Điểm nhìn ấy giúp
nhà thơ bao quát
được toàn cảnh
mùa thu, từ bầu
trời đến mặt nước,
cảnh vật, cuộc
sống ở làng quê
vào mùa thu.

Trình tự miêu tả không gian

D

từ gần đến xa, từ xa
đến gần

E

từ thấp đến cao, từ
cao xuống thấp





b. Các từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, chuyển động của bức tranh thiên nhiên

*Hs thảo luận nhóm
4-6 PHT số 3 để tìm
hiểu về bức tranh
thiên nhiên*



PHT số...: Tìm hiểu về bức tranh thiên nhiên mùa thu

01

02

03

04

05

06

07

Nhận xét về bức tranh mùa thu Bắc Bộ.....



b. Các từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, chuyển động của bức tranh thiên nhiên



1

Ao thu

lạnh lẽo, trong veo - gợi nên tiết trời se lạnh, mặt nước phẳng lặng, làn nước trong suốt, như có thể nhìn thấu đáy.

5

2

lối ngõ nhỏ,
làng quê Bắc Bộ

Tầng mây lơ lửng tạo hình như một chiếc quạt toát lên vẻ bình yên, thanh nhàn. Màu xanh của trời, màu vàng của nắng mang lại cho bức tranh một vẻ tươi sáng.

3

Chuyển động của các sự vật đều nhẹ nhàng: sóng lăn tăn “hơi gợn tí” theo làn gió nhẹ; lá “khẽ đưa vèo” - rơi rất nhẹ.

4

lơ lửng như không trôi.

**Nét đẹp của mùa thu vùng
nông thôn đồng bằng Bắc Bộ**

không khí mát lạnh; bầu trời thu trong xanh, cao rộng; không gian yên tĩnh; cảnh sắc hài hòa, giàu chất thơ,...





3

Hình ảnh con người



3. Hình ảnh con người



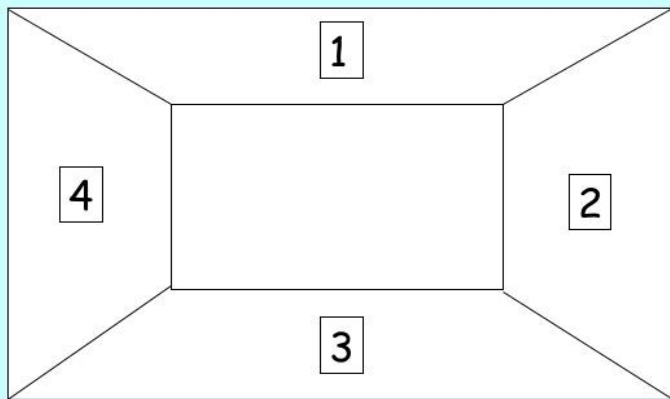
Ở hai câu kết, hình ảnh con người hiện lên trong tư thế, trạng thái như thế nào? Qua đó, em cảm nhận được nỗi niềm tâm sự gì của tác giả?





3. Hình ảnh con người

Kĩ thuật dạy học “*Khăn trải bàn*”





3. Hình ảnh con người

Tư thế

*“tựa gối,
buông cần”*



tư thế như đang
thu mình, trầm
ngâm trên chiếc
thuyền câu bé nhỏ

**Hình
ảnh
con
người**

Bài thơ nói chuyện câu
cá mà thực ra người đi
câu cá không chú ý gì
vào việc câu cá.

Âm thanh

*tiếng cá đớp bọt
nước đầu đó khẽ
động dưới chân bèo*



Âm thanh làm tăng cái
im vắng, tĩnh lặng của
ngoại cảnh; cho thấy
trạng thái trầm lắng, suy
tư của con người.



3. Hình ảnh con người

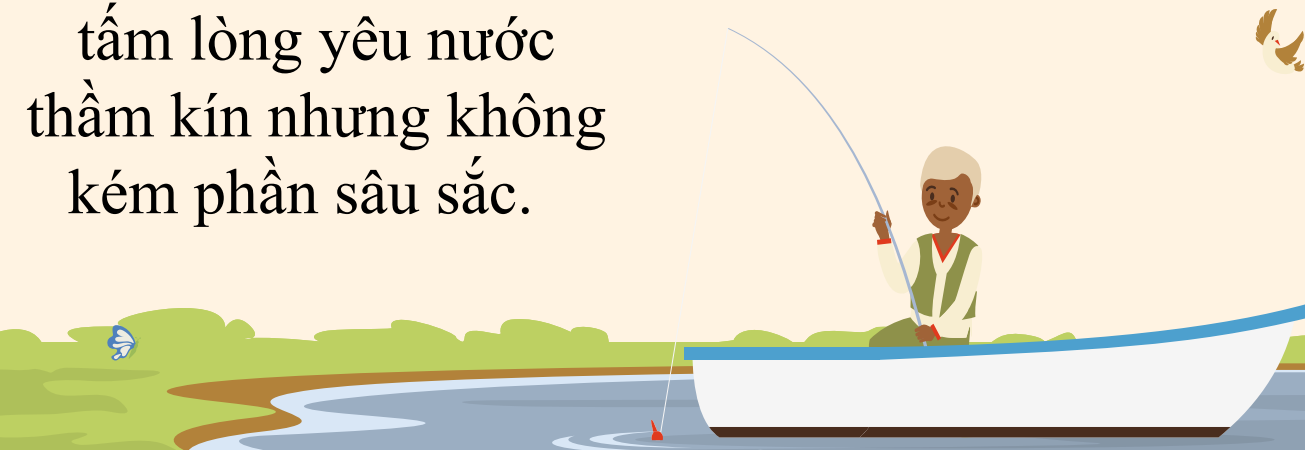
01

Một tâm hồn gắn bó
thiết tha với thiên
nhiên đất nước, một
tấm lòng yêu nước
thầm kín nhưng không
kém phần sâu sắc.

*Vẻ đẹp
tâm hồn
Nguyễn
Khuyến*

02

Đó là nỗi lòng non
nước, nỗi lòng thời
thế của nhà nho có
lòng tự trọng và
lòng yêu quê hương
đất nước như
Nguyễn Khuyến





3. Hình ảnh con người



Từ việc phân tích bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người trong bài thơ Thu điếu, Hs củng cố kiến thức về đặc trưng thể loại thơ Đường luật trong phần Tri thức ngữ văn





3. Hình ảnh con người



Nghệ thuật thơ Đường luật



Bút pháp gợi kết
hợp tả cảnh ngụ
tình

Ý thơ gắn liền với mối
liên hệ giữa tình và cảnh,
giữa tĩnh và động, tính
hàm súc của ngôn ngữ và
sức gợi của hình ảnh;...





4

Tìm hiểu chủ đề văn bản



4. Tìm hiểu chủ đề văn bản

01

Nêu chủ đề của bài thơ

02

Chủ đề ấy giúp em hiểu thêm điều gì về tâm hồn tác giả?



4. Tìm hiểu chủ đề văn bản

Chủ đề

Bài thơ Thu điếu thể hiện sự cảm nhận tinh tế về đẹp của mùa thu đất Bắc và tình cảm gắn bó thiết tha với quê hương của tác giả; qua đó bày tỏ niềm ưu tư trước thời cuộc.





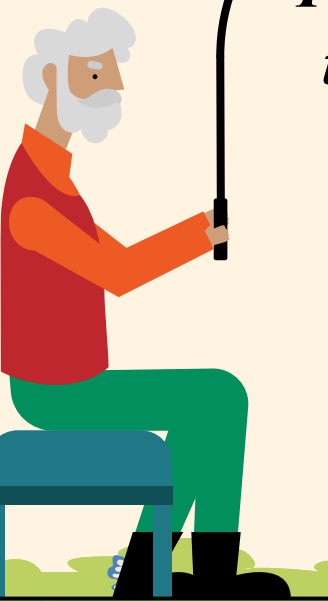
4. Tìm hiểu chủ đề văn bản

*Tâm hồn
tác giả*

Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, chan hòa với thiên nhiên

Yêu mến và trân trọng cuộc sống bình yên nơi làng quê

Tâm sự sâu kín của một con người dẫu tìm về cuộc sống ẩn dật vẫn không nguôi nỗi buồn thời thế,...





IV

Tổng kết



1. Nội dung, nghệ thuật

*Khái quát nghệ
thuật và nội dung
văn bản theo PHT*

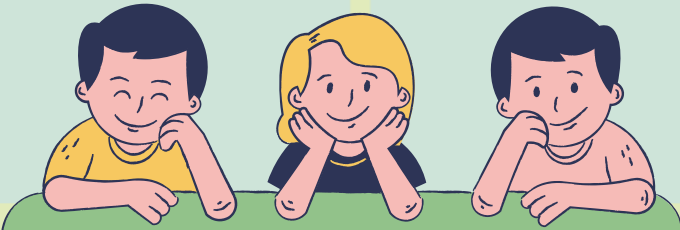




Nội dung	Nghệ thuật

Nội dung

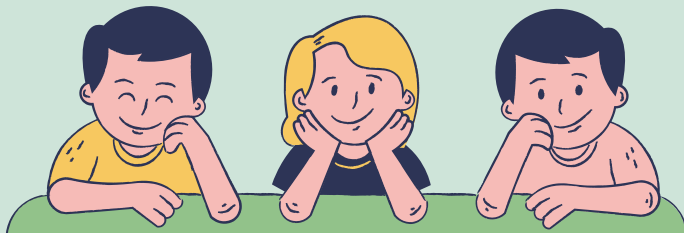
Nghệ thuật





Nội dung

Bài thơ là bức tranh cảnh sắc mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế



Nghệ thuật

- Kết cấu niêm luật, vần điệu đối ngẫu rất chỉnh, bút pháp chấm phá tả cảnh ngụ tình tài hoa
- Ngôn ngữ giản dị, tinh tế, giàu sức gợi hình biểu cảm
- Vần eo – tử vận, oái oăm, được tác giả sử dụng thần tình



2. Một số lưu ý khi đọc thơ Thất ngôn bát cú Đường luật



*Em hãy rút ra một số lưu
ý khi đọc thơ thất ngôn
bát cú Đường luật*



2. Một số lưu ý khi đọc thơ Thất ngôn bát cú Đường luật

Một số lưu ý khi đọc thơ Thất ngôn bát cú Đường luật

Xác định được các yếu tố của thể thơ: Bố cục, luật bằng trắc, niêm, vần, đối,...

Chỉ ra đặc nghệ thuật của thơ Đường luật được thể hiện trong bài thơ

Phân tích được nội dung của bài thơ thông qua từ ngữ, hình ảnh,...từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm, cảm xúc của người viết

Rút ra chủ đề của tác phẩm

Sự hàm súc, cô đọng của ngôn ngữ

Bút pháp tả cảnh



Hoạt động luyện tập





Đến giờ câu cá rồi .
Các cháu giúp ông
nhé ^^

PLAY

Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A) Thất ngôn bát cú

B) Ngũ ngôn tứ tuyệt

C) Ngũ ngôn bát cú.

D) Thất ngôn tứ tuyệt.



Bài thơ được gieo vần ở những vị trí nào?

A) Giữa các câu 1, 2, 4, 6, 8.

B) Giữa các câu 1, 2, 3, 5, 7

C) Cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

D) Cuối các câu 1, 2, 3, 5, 7

Sai mất
rồi

Sai mất
rồi

C

Sai mất
rồi



Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A) Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B) Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C) Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối)

D) Hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối) hoặc ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối)

Sai mất rồi

B

Sai mất rồi

Sai mất rồi



Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A) Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “ta”.

B) Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng.

C) Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “tôi”.

D) Là tác giả, xuất hiện gián tiếp.

Sai mất rồi

Sai mất rồi

Sai mất rồi

D



Cảm hứng nào không có trong bài thơ?

A) Yêu thiên nhiên.

B) U hoài trước thời cuộc.

C) Buồn trước cảnh nghèo.

D) Yêu đất nước.

Sai mất
rồi

Sai mất
rồi

C

Sai mất
rồi



Phép đối có ở những cặp câu thơ nào?

A) Câu 3 - 4. câu 5 - 6

C) Câu 5 - 6, câu 7 - 8

B) Câu 1 - 2, câu 3 - 4

D) Câu 1 - 2, câu 7 - 8



Từ nào sau đây không phải từ láy?

A) Lạnh lẽo.

C) Tẻo teo.

B) Đớp động.

D) Lơ lửng

Sai mất
rồi

B

Sai mất
rồi

Sai mất
rồi



Nhận định nào đúng nhất về tâm hồn Nguyễn Khuyến được thể hiện qua bài thơ?

A) Yêu thích cuộc sống nơi thôn dã với những thú vui như câu cá, làm ruộng.

B) Rung động mãnh liệt trước những thay đổi của thiên nhiên, đất trời khi thu sang.

C

) Chán ghét cuộc sống ồn ào, tìm thấy nhiều điều thú vị nơi thanh vắng.

D) Gắn bó tha thiết với thiên nhiên đất nước, yêu nước thầm kín.

Sai mất rồi

Sai mất rồi

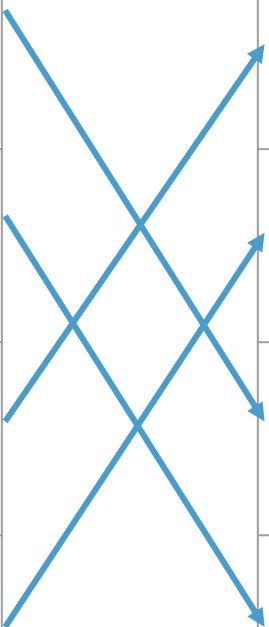
Sai mất rồi

D



Ông cảm ơn các
cháu giúp ông
câu cá nha ^^

Nối các từ ngữ, hình ảnh, câu thơ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B:

A		B
(1)Sóng “hơi gợn tí”, lá vàng “khẽ đưa”, tầng mây “lơ lửng”, cá “đớp động”.		(A)Góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.
(2)Nước “trong veo”, sóng “biếc”, trời “xanh ngắt”.		(B)Cho thấy sự vắng lặng của cảnh vật, phản chiếu sự tĩnh lặng trong tâm hồn của thi nhân.
(3)Vần “eo”		(C)Các chuyển động rất nhẹ, rất khẽ, không đủ để tạo nên âm thanh của cảnh vật.
(4)“Cá đâu đớp động dưới chân bèo”		(D)Gợi lên sự dịu nhẹ, thanh sơ của không khí mùa thu.



Hoạt động vận dụng





Hoạt động vận dụng

*Viết đoạn văn
(khoảng 7 – 9 câu)
phân tích hai câu thơ
khiến em có ấn tượng
nhất trong bài thơ **Thu
điều**.*





Bảng kiểm đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)		
Giới thiệu được 2 câu văn mình ấn tượng		
Chỉ ra những đặc sắc về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nội dung của câu thơ		
Nêu tình cảm, cảm xúc của tác giả		

